

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG**

Số: 437/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Lăng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện
Địa điểm: Thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 V/v Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị: số 3094/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; số 1835/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; số 1467/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 về việc ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Văn bản số 1012/SXD-QHKT ngày 21/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện, huyện Hải Lăng;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hải Lăng tại Tờ trình số 72'/TTr-KT&HT ngày 19/7/2021 và đề nghị của Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện tại Tờ trình số 135/TTr-BQL&QĐ ngày 14/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện.

2. Địa điểm: Thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện.

4. Tổ chức tư vấn lập đồ án quy hoạch: Công ty cổ phần tư và kiểm định xây dựng DELTA-VINA.

5. Phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi: Toàn bộ khu đất Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện có tổng diện tích 9,2256 ha nằm trong Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 27/10/2020.

- Vị trí: Thuộc quy hoạch đất ở đô thị có ký hiệu DOM-62, DOM-63, DOM-64, DO-28 nằm trong Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Ranh giới:

+ Phía Đông Bắc: Giáp đường quy hoạch rộng 26m, đất quy hoạch Khu liên hợp Trung tâm thể thao huyện và khu dân cư hiện có (khu đất có ký hiệu sau: TDTT; DO-26; DO-27).

+ Phía Đông Nam: Giáp đường quy hoạch 15,0m và khu đất quy hoạch dự trữ (khu đất có ký hiệu sau: DT).

+ Phía Tây Nam: Giáp đường quy hoạch 15,5m, khu đất quy hoạch Trung tâm hành chính huyện Hải Lăng và đất quy hoạch khu dân cư (khu đất có ký hiệu sau: CC-18; DOM-70; TDC1; TDCMI).

+ Phía Tây Bắc: Giáp đường 3 tháng 2 và đất quy hoạch khu dân cư (khu đất có ký hiệu sau: DOM-63; DO-28).

6. Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch:

a. Quy mô diện tích:

- Diện tích lập quy hoạch: 9,2256 ha.

b. Quy mô dân số:

- Dân số: Khoảng 1.140 ÷ 1.250 người.

c. Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

7. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

7.1. Tính chất:

- Hình thành Khu đô thị mới phía Đông Trung tâm hành chính huyện, thị trấn Diên Sanh, làm cơ sở đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng

hiện đại, văn minh đô thị, ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang dân cư đô thị hiện có trong khu vực quy hoạch.

7.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa theo định hướng của đề án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 đã được phê duyệt.

- Góp phần tăng cường quản lý đất đai để khai thác và sử dụng quỹ đất có hiệu quả.

8. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Đất công trình công cộng	m ² / người	15÷25
2	Đất cây xanh	m ² / người	≥4
3	Đất giao thông	%	13÷18
4	Đất ở	m ² /người	≤50
5	Tầng cao trung bình	Tầng	≤3
6	Mật độ xây dựng	%	60÷80
7	Cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày đêm	80÷100
8	Tiêu chuẩn nước thải	% lượng nước cấp	≥80
9	Lượng rác thải bình quân	Kg/người/ngày đêm	0,8
10	Cấp điện	Kwh/người/năm	1.000

9. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cân bằng sử dụng đất

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở đô thị	ODT	63.838,0	69,20
1.	Đất ở dân cư hiện trạng chỉnh trang	CTR1-3	3.652,0	5,72
1.1		CTR1	912,5	24,99
1.2		CTR2	1.339,5	36,68
1.3		CTR3	1.400,0	38,34
2.	Đất ở mới bố trí tái định cư	TDC	6.118,9	9,59
3.	Đất ở mới biệt thự	ODT1-4	19.008,9	29,78
3.1		ODT1	5.492,4	28,89
3.2		ODT2	1.940,4	10,21
3.3		ODT3	5.911,0	31,10
3.4		ODT4	5.665,1	29,80
4.	Đất ở mới liền kề	ODT5-10	35.058,2	54,92
4.1		ODT5	3.225,4	9,20
4.2		ODT6	4.673,8	13,33
4.3		ODT7	5.966,7	17,02

4.4		ODT8	7.358,6	20,99
4.5		ODT9	7.081,7	20,20
4.6		ODT10	6.752,0	19,26
II	Đất công cộng	CC	1.714,0	1,86
1.	Đất trường mầm non	MN	1.714,0	1,86
III	Đất giao thông	GT	26.704,0	28,95
1.	Đất giao thông nội bộ	GT	26.704,0	28,95
	Tổng cộng		92.256,0	100

10. Giải pháp tổ chức không gian:

10.1. Đất ở chia lô mới; Ký hiệu: ODT.

+ Quy mô dân số khu vực quy hoạch dự kiến khoảng $1.140 \div 1.250$ người. Tổng số lô đất ở là 292 lô, diện tích trung bình quy hoạch đất ở biệt thự và đất ở liền kề mỗi lô $200m^2 \div 240m^2$, với tổng diện tích đất ở là $63.838m^2$, chiếm tỷ lệ 69,20% diện tích toàn khu. Trong đó: diện tích đất ở dân cư hiện trạng chỉnh trang là $3.652m^2$, chiếm tỷ lệ 5,72% toàn bộ diện tích đất ở, tổng số lô đất ở dân cư hiện trạng chỉnh trang gồm 08 lô; diện tích đất ở mới bố trí tái định cư là $6.118,9m^2$, chiếm tỷ lệ 9,59% toàn bộ diện tích đất ở, tổng số lô đất ở bố trí tái định cư gồm 28 lô; diện tích đất ở mới biệt thự là $19.008,9m^2$, chiếm tỷ lệ 29,78% toàn bộ diện tích đất ở, tổng số lô đất ở biệt thự gồm 81 lô; diện tích đất ở mới liền kề là $35.058,2m^2$, chiếm tỷ lệ 54,92% toàn bộ diện tích đất ở, tổng số lô đất ở liền kề gồm 175 lô.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 80\%$.

+ Tầng cao: Từ 1÷5 tầng.

+ Chiều cao tầng 1: không nhỏ hơn 3,6m và không lớn hơn 4,2m.

+ Chiều cao các tầng còn lại: từ 3,6m÷3,9m.

+ Khoảng lùi: $\geq 3,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.

+ Cao trình hoàn thiện nền nhà (cote ± 0.000): Tương đương từ +9.63m đến +10.75m của cốt chuẩn Quốc gia.

10.2. Đất công cộng; Ký hiệu: CC.

Diện tích đất công cộng khoảng $1.714m^2$, chiếm tỷ lệ 1,86% diện tích toàn khu; bố trí để xây dựng trường Mầm non khu vực, thuộc vị trí trung tâm khu vực quy hoạch và trung tâm khu vực dự kiến phát triển cho các khu vực lân cận như Khu đô thị Đông Nam, Trung tâm hành chính huyện, khu Hoài Tây, khóm 4 đảm bảo bán kính phục vụ tốt.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$.

+ Tầng cao: Từ 1÷3 tầng.

+ Chiều cao tầng 1: không nhỏ hơn 3,6m và không lớn hơn 4,2m.

+ Chiều cao các tầng còn lại: từ 3,6m÷3,9m.

+ Khoảng lùi: $\geq 3,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.

10.3. Đất Giao thông; Ký hiệu: GT.

Diện tích đất giao thông có tổng diện tích khoảng $26.704,0m^2$, chiếm tỷ lệ 28,95% diện tích toàn khu; bố trí các tuyến đường giao thông đối nội, đối ngoại. Làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại

theo hướng ngầm hóa như: hệ thống điện, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, hệ thống cáp viễn thông, PCCC; đầu tư hệ thống cây xanh đô thị.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

Ghi chú: Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa và tối thiểu của công trình) đối với từng lô đất; cốt xây dựng; chiều cao nền, cốt sàn tầng một và chiều cao các tầng; khoảng lùi công trình; hình thức mái, các bộ phận nhô ra khỏi chỉ giới đường đỏ sẽ được quy định cụ thể theo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

11. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

11.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông trong khu vực quy hoạch được thiết kế trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hợp lý, liên hệ với bên ngoài thuận lợi.

a. Giao thông đối ngoại: Giao thông đối ngoại có 02 tuyến đường như sau:

+ Mặt cắt (1-1) đường 3 tháng 2 có mặt cắt ngang rộng 32,0m = (6,0+9,0+2+9,0+6,0)m.

+ Mặt cắt (2-2) có mặt cắt ngang rộng 26,0m = (6,0+14,0+6,0)m.

+ Mặt cắt (3-3) có mặt cắt ngang rộng 15,5m = (4,0+7,5+4,0)m.

b. Giao thông trong khu vực quy hoạch:

+ Mặt cắt (2*-2*), tuyến D3 có mặt cắt ngang rộng 26m = (6,0+14,0+6,0)m.

+ Mặt cắt (3*-3*), tuyến D6, D7 có mặt cắt ngang rộng 15,5m = (4,0+7,5+4,0)m.

+ Mặt cắt (3**-3**), tuyến D4 có mặt cắt ngang rộng 15,5m = (4,0+7,5+4,0)m.

+ Mặt cắt (4-4), tuyến D5 có mặt cắt ngang rộng 15,0m = (3,75+7,5+3,75)m.

+ Mặt cắt (5-5), tuyến D1 có mặt cắt ngang rộng 13,0m = (3,0+7,0+3,0)m.

+ Mặt cắt (5*-5*), tuyến D2 có mặt cắt ngang rộng 13,0m = (3,0+7,0+3,0)m.

11.2. Quy hoạch san nền:

Hướng san nền thấp dần về hướng Tây đối với Khu đất có ký hiệu ODT1 và thấp dần về hướng Đông đối với các khu đất còn lại. Độ dốc ngang và độ dốc dọc I = 0,02% ÷ 0,65% để đảm bảo thoát nước là tốt nhất.

11.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng:

- Trạm biến áp: Xây dựng trạm biến áp có tổng công suất 1.120 kVA trong đó: 02 TBA công suất 560 kVA-22/0,4kV cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng đèn đường. Trạm biến áp được xây dựng kiểu trạm ki-ốt.

- Nguồn cấp: Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ đường dây 22kV, đầu nối tại cột số 01 thuộc đường dây trung áp 22kV trên tuyến đường đối ngoại (mặt cắt 3-3) cấp điện cho khu Trung tâm hành chính của huyện Hải Lăng. Xây dựng đường cáp ngầm 22kV đi trong rãnh cáp cấp điện cho trạm biến áp trong khu quy hoạch với chiều dài 40m.

- Đường dây 0,4kV:

+ Xây dựng đường cáp ngầm 0,4kV dọc theo vỉa hè giao thông cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng cho các lô đất ở khu quy hoạch. Đường dây 0,4kV được đầu nối tại ngăn lộ ra của tủ điện hạ áp 0,4kV của trạm biến áp xây dựng mới, sau đó đi âm đến các tủ điện phân phối cho các lô đất quy hoạch. Toàn bộ rãnh cáp được đi âm trên vỉa hè của đường giao thông, cáp điện sử dụng loại cáp ngầm có đai thép bảo vệ và được luôn

trong ống nhựa xoắn HDPE, những đoạn cắt ngang qua đường được luồn trong ống thép

- Tủ điện phân phối:

+ Tủ điện phân phối, cấp điện cho các lô đất bố trí trên vỉa hè, phương án làm là tủ điện âm kỹ thuật, đúc bê tông tại chỗ.

- Hệ thống đèn đường:

+ Nguồn cấp điện cho đèn đường do các TBA cung cấp, đóng cắt bằng tủ điều khiển chiếu sáng tự động. Chiếu sáng các trục đường chính đèn LED cao áp công suất từ 100W đến 200W. Cấp chiếu sáng được đi ngầm trong rãnh cáp, toàn bộ rãnh cáp được đi trên vỉa hè của đường giao thông, cáp điện sử dụng loại cáp ngầm có đai thép bảo vệ và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, những đoạn cắt ngang qua đường được luồn trong ống thép.

11.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

+ Nguồn nước: Nguồn nước sạch cung cấp cho Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện từ Nhà máy cấp nước sạch Hải Lăng công suất 3.200 m³/ngày đêm. Đường ống nước cấp cho khu vực Quy hoạch đô thị lấy trực tiếp từ tuyến ống HDPE D200 đã có chạy dọc trên tuyến đường Bùi Dục Tài, cách khu đô thị quy hoạch 372m, đây là tuyến ống chính cho khu đô thị sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính D200, các tuyến nhánh trong khu vực Quy hoạch đầu nối tuyến ống trên, nhu cầu dùng nước là 472,5 m³/ngày đêm.

+ Mạng lưới đường ống: Cấu trúc mạng lưới cấp nước: Mạng đường ống kết hợp giữa cấp nước sinh hoạt và cấp nước cứu hỏa. Mạng lưới ống phân phối được thiết kế dạng mạch vòng chạy xung quanh khu đô thị, đảm bảo luôn duy trì áp lực trong ống. Các ô mạng lưới có cấu tạo độc lập với nhau, mỗi ô gồm: đường ống phân phối, đường ống dịch vụ.

- Mạng lưới đường ống phân phối: Tuyến ống phân phối sử dụng vật liệu là ống nhựa HDPE có đường kính D110 được đặt dưới vỉa hè và đường giao thông. Trên mạng lưới bố trí các van chặn phục vụ việc điều tiết, vận hành và quản lý mạng lưới. Bố trí các van xả cặn tại vị trí thấp nhất của mạng lưới cấp nước để thu rửa đường ống trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình vận hành quản lý. Bố trí van thu khí và van xả khí tại các vị trí gãy góc và cao nhất của mạng lưới cấp nước để loại trừ khả năng tạo thành chân không trong ống cũng như để xả khí ra khỏi đường ống khi bị tích tụ. Độ sâu chôn ống tính từ đỉnh ống đến mặt đất hoàn thiện từ 0,7 ÷ 1,0m.

- Mạng lưới đường ống dịch vụ: Mạng lưới đường ống dịch vụ được đầu nối với đường ống phân phối và chạy dọc theo mạng lưới đường, đưa nước tới từng đối tượng sử dụng nước. Tuyến ống dịch vụ sử dụng vật liệu là ống nhựa HDPE có đường kính DN50mm, bố trí trên các tuyến giao thông nội bộ trong khu vực đô thị, đảm bảo cung cấp nước đến từng công trình sử dụng. Tất cả các ống dịch vụ đều đặt trên hè và chiều sâu chôn ống tính từ mặt đất hoàn thiện đến đỉnh ống từ 0,5 ÷ 0,7m.

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa: Hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp, áp lực tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m. Khi có cháy xảy ra, xe cứu hỏa của đội cứu hỏa thành phố sẽ lấy nước tại các trụ cứu hỏa dọc đường; họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối có đường kính D110mm, được bố trí gần ngã ba, ngã tư, trục đường lớn và tại các vị trí gần công trình công cộng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Trụ chữa cháy có đường kính D100mm (loại 3 họng);

hạng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường quy hoạch. Khoảng cách giữa các hạng cứu hỏa từ 60m ÷ 120m, bán kính hạng cứu hỏa đến các khu vực chữa cháy trung bình 60m.

11.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước thải và VSMT:

- Nước mưa được thu gom dọc các tuyến đường, bố trí đường cống thoát nước đi dưới vỉa hè, kết hợp giếng thu nước mưa lòng đường. Nước mưa được thu gom theo hướng dốc san nền xả về hồ Đập Thanh và hồ Khe Chè.

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thu gom tại bể tự hoại của mỗi hộ gia đình và các công trình công cộng, thu gom đường cống thoát nước chung đi dưới vỉa hè, sau đó nước thải được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của thị trấn đó được quy hoạch trên tuyến đường 3 tháng 2. Xây dựng hệ thống thoát nước sinh hoạt hoàn chỉnh, sử dụng đường ống thoát nước có đường kính D300. Cống thoát nước có thể bằng ống nhựa cứng hoặc ống bê tông ly tâm.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung của thị trấn Diên Sanh.

+ Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người/ngày.

+ Phương án xử lý rác thải: Rác thải khu dân cư chủ yếu là rác thải sinh hoạt được thu gom tập trung tại vị trí quy định của xã, sau đó xe ô tô của Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện vận chuyển đưa đến bãi rác tập trung của huyện theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường cho khu vực xung quanh.

- Phòng cháy chữa cháy: Chú ý chọn vật liệu chống cháy ở những nơi dễ bắt lửa, vị trí khu bếp cần bố trí khoảng cách an toàn; đường được thiết kế đủ rộng để công tác cứu hỏa được thuận lợi, dễ dàng ứng cứu khi xảy ra sự cố.

11.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Thực hiện theo Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt hạ tầng kỹ thuật viễn thông tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

12. Dự kiến kinh phí đầu tư và nguồn vốn thực hiện

12.1. Kinh phí đầu tư (dự kiến): 46.709.195.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ bảy trăm linh chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn).

12.2. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện chịu trách nhiệm trước UBND huyện về quản lý và thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt (công bố đồ án quy hoạch đến các cơ quan, đơn vị liên quan và toàn thể nhân dân biết để thực hiện; lập Quy định quản lý, trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, UBND huyện phê duyệt; tiến hành cắm mốc giới quy hoạch theo đồ án quy hoạch; đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch này).

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp hướng dẫn Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện thực hiện đúng đồ án Quy hoạch đã được phê duyệt. *u*

- UBND thị trấn Diên Sanh phối hợp với Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện và các Phòng, Ban chuyên môn huyện quản lý tốt đất đai, quy hoạch, xây dựng theo đồ án Quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện; Thủ trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././ *Cu*

Nơi nhận: *ku*

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND thị trấn Diên Sanh;
- Kho bạc NN Hải Lăng;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT. *ku*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Thịnh